

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25-6-2024

V/v ly hôn giữa bà N và ông K

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thủy Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tấn Cường.

2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Chí Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 334/2024TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Yến N, sinh năm: 1992;

Địa chỉ: A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Tấn K, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Long An; hiện đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy Long An.

(Bà N và ông K có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cùng đề ngày 09/5/2024, nguyên đơn bà Trương Thị Yến N trình bày:

Về hôn nhân: bà N và ông K tổ chức lễ cưới vào năm 2019, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện

T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02/2019 ngày 04/01/2019, hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian đầu sau khi cưới vợ chồng chung sống cũng tạm gọi là hạnh phúc tại Ấp B, xã C, huyện C nhưng thời gian sau này vợ chồng có những mâu thuẫn về tiền bạc nên dần không còn tin tưởng nhau và thường gây cãi làm mất hạnh phúc gia đình. Bà N có cố gắng hàn gắn mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Vào tháng 5/2023, vợ chồng gây cãi và bà N về nhà mẹ ruột sinh sống đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng đã không còn nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về nuôi con chung: bà N và ông K có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Như Y, sinh ngày 03/3/2020, hiện đang sống chung với bà N. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/5/2024, bị đơn ông Huỳnh Tấn K trình bày:

Về hôn nhân: ông K đồng ý yêu cầu ly hôn của bà N.

Về nuôi con chung: ông K và bà N có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Như Y, sinh ngày 03/3/2020. Ông K đồng ý giao con cho bà N nuôi và đồng ý không cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về thẩm quyền thụ lý vụ án: đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Quan hệ pháp luật tranh chấp: ly hôn theo yêu cầu một bên.

+ Xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng: đúng quy định.

+ Việc thu thập chứng cứ: Thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tổng đạt cho các đương sự: đúng quy định.

+ Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng với quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Vụ án này thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời gian giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

2. Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 19, 51, 56, 80, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị giải quyết theo hướng: chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Yến N, cụ thể:

- Về hôn nhân: bà Trương Thị Yến N được ly hôn với ông Huỳnh Tấn K.

- Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Huỳnh Ngọc Như Y cho bà Trương Thị Yến N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Huỳnh Tấn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

3. Yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Trương Thị Yến N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Tấn K, ông K có nơi thường trú tại xã C, huyện C nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Trương Thị Yến N và ông Huỳnh Tấn K có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông K theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: bà Trương Thị Yến N và ông Huỳnh Tấn K có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02/2019 ngày 04/01/2019 nên xác định hôn nhân giữa bà N và ông K là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà N trình bày, trong thời gian đầu sau khi cưới vợ chồng chung sống cũng tạm gọi là hạnh phúc tại Ấp B, xã C, huyện C nhưng thời gian sau này vợ chồng có những mâu thuẫn về tiền bạc nên dần không còn tin tưởng nhau và thường gây cãi làm mất hạnh phúc gia đình. Bà N có cố gắng hàn gắn mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Vào tháng 5/2023, vợ chồng gây cãi và bà N về nhà mẹ ruột sinh sống đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng đã không còn nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông K. Ông K đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà N. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào

Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông K.

[2.2] Về nuôi con chung: bà N và ông K chung sống có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Như Y, sinh ngày 03/3/2020. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung Huỳnh Ngọc Như Y hiện đang sinh sống cùng bà N cuộc sống đã ổn định và ông K cũng đồng ý giao con chung cho bà N nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, giao con chung tên Huỳnh Ngọc Như Y, sinh ngày 03/3/2020 cho bà N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Bà N không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà N và ông K đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[2.5] Về án phí: bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Yến N về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Huỳnh Tấn K.

1. Về hôn nhân: bà Trương Thị Yến N được ly hôn với ông Huỳnh Tấn K.

2. Về nuôi con chung: bà Trương Thị Yến N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Ngọc Như Y, sinh ngày 03/3/2020. Ông Huỳnh Tấn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: bà Trương Thị Yến N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0010615 ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà N đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND thị trấn T, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thủy Tiên